

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2018-2019

Mã: 14857

1/2

Phòng thi: A608

Ngày thi: 23/01/2019

Giờ thi: 17:45

SL: 28

Môn học: Tiếng Anh 1 (001201 - 5 TC)

Nhóm thi: Nhóm 109 - Tổ 001 - Đợt 16

Lần: 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	D1800007	Nguyễn Hà Phương Anh			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	31801021	Vũ Thị Ngọc Anh			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	31800684	Nguyễn Việt Bảo			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	D1800300	Nguyễn Thị Linh Chi			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	D1800015	Trịnh Bát Đình			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	D1800315	Trần Trung Hậu			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	C1800293	Trương Thị Hồng			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	D1800322	Hoàng Gia Huy			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	D1800326	Nguyễn Hoàng Minh Khuê			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	D1800047	Tạ Huỳnh An Khương			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	31801065	Võ Thị Thanh Lan			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	D1800223	Đặng Ngọc Long			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	01702048	Trần Chí Mẫn			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	C1800208	Lê Thị Hồng Phúc			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	C1800267	Phạm Thị Phụng			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	D1800368	Nguyễn Minh Tâm			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	31800739	Nguyễn Thương Thảo			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	C1800130	Trần Thu Thảo			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	D1800374	Nguyễn Hoàng Thư			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	D1800114	Lại Trần Hoài Thương			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

<b>Cán bộ coi thi</b>		<b>Cán bộ chấm thi</b>		<b>Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)</b>		<b>Trưởng Khoa/ Trung tâm</b>	
<b>Họ tên:</b>	<b>Chữ ký:</b>	<b>Họ tên:</b>	<b>Chữ ký:</b>	<b>Họ tên:</b>		<b>Họ tên:</b>	
1/ _____		1/ _____					
2/ _____		2/ _____		<b>Chữ ký:</b>		<b>Chữ ký:</b>	

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**Học kỳ 1 / Năm học 2018-2019**

Mã: 14857

2/2

Phòng thi: A608

Ngày thi: 23/01/2019

Giờ thi: 17:45

SL: 28

Lần: 1

Môn học: Tiếng Anh 1 (001201 - 5 TC)

Nhóm thi: Nhóm 109 - Tổ 001 - Đợt 16

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	C1800315	Tô Thị Bích	Trâm		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	D1800130	Lê Lại Tuyết	Trân		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	D1800138	Trần Nguyễn Thùy	Trang		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	31801143	Lê Việt	Trí		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	D1800140	Lê Hà Minh	Triết		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	31801154	Cao Võ Phương	Uyên		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	D1800154	Huỳnh Thị Yến	Vi		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	31800764	Bùi Nguyên Hoàng	Vy		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/ _____	_____	1/ _____	_____	_____		_____	
2/ _____	_____	2/ _____	_____	Chữ ký:		Chữ ký:	

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2018-2019

Mã: 14858

1/2

Phòng thi: A610

Ngày thi: 23/01/2019

Giờ thi: 17:45

SL: 21

Môn học: Tiếng Anh 1 (001201 - 5 TC)

Nhóm thi: Nhóm 119 - Tổ 001 - Đợt 16

Lần: 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	61800717	Nguyễn Ngọc Trân	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	61800285	Nguyễn Thị Ngọc	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	61800728	Nguyễn Hùng	Dũng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	61800762	Nguyễn Lưu Hương	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	61800765	Lưu Vĩnh	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	61800766	Võ Duy	Khang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	61800813	Nguyễn Thị Yến	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	61800820	Hồ Thị Tuyết	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	61800826	Nguyễn Lê Hoàng	Phúc		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	61800386	Nguyễn Lê Thảo	Phương		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	61800836	Nguyễn Ngọc Bích	Quyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	61800392	Lê Thị Thúy	Sang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	61800852	Nguyễn Hữu	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	61800871	Nguyễn Lý Anh	Thy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	61800874	Hồ Lê Ngọc	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	61800875	Nguyễn Thanh	Trâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	61800881	Nguyễn Minh	Trí		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	61800889	Đoàn Mạnh	Trường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	61800890	Nguyễn Phan Anh	Tuấn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	61800906	Tạ Thị Hà	Vy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/ _____	_____	1/ _____	_____	_____		_____	
2/ _____	_____	2/ _____	_____	Chữ ký:		Chữ ký:	

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2018-2019

Mã: 14858

2/2

Phòng thi: A610

Ngày thi: 23/01/2019

Giờ thi: 17:45

SL: 21

Lần: 1

Môn học: Tiếng Anh 1 (001201 - 5 TC)

Nhóm thi: Nhóm 119 - Tổ 001 - Đợt 16

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	61800254	Phạm Thị Như Yến			.	(V)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/ _____	_____	1/ _____	_____	_____		_____	
2/ _____	_____	2/ _____	_____	Chữ ký:		Chữ ký:	

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2018-2019

Mã: 14859

1/2

Phòng thi: A702

Ngày thi: 23/01/2019

Giờ thi: 17:45

SL: 21

Môn học: Tiếng Anh 1 (001201 - 5 TC)

Nhóm thi: Nhóm 120 - Tổ 001 - Đợt 16

Lần: 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	21800434	Nguyễn Đoàn Thùy Anh			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	21800437	Nguyễn Thị Quỳnh Anh			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	21800010	Vũ Văn			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	21800198	Võ Thị Ngọc Bích			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	21800448	Nguyễn Văn Chung			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	21800454	Nguyễn Sĩ Dũng			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	21800455	Trịnh Thùy Dương			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	21800469	Lâm Ngọc Hạnh			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	21800038	Lưu Thị Thu Huyền			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	21800305	Võ Như Ngọc			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	21800528	Lê Minh Nhật			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	21800073	Lê Thị Hồng Nhi			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	21800531	Trần Phương Nhi			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	21800541	Nguyễn Thị Hoàng Phú			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	21800357	Nguyễn Ngọc Minh Thư			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	21800584	Nguyễn Thị Trang			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	21800592	Lê Nguyễn Mạnh Tường			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	21800597	Huỳnh Thủy Uyên			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	21800604	Đào Quỳnh Vy			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	21800605	Huỳnh Nguyễn Thảo Vy			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

<b>Cán bộ coi thi</b>		<b>Cán bộ chấm thi</b>		<b>Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)</b>		<b>Trưởng Khoa/ Trung tâm</b>	
<b>Họ tên:</b>	<b>Chữ ký:</b>	<b>Họ tên:</b>	<b>Chữ ký:</b>	<b>Họ tên:</b>		<b>Họ tên:</b>	
1/ _____	_____	1/ _____	_____	_____		_____	
2/ _____	_____	2/ _____	_____	<b>Chữ ký:</b>		<b>Chữ ký:</b>	

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**Học kỳ 1 / Năm học 2018-2019**

Mã: 14859

2/2

Phòng thi: A702

Ngày thi: 23/01/2019

Giờ thi: 17:45

SL: 21

Lần: 1

Môn học: Tiếng Anh 1 (001201 - 5 TC)

Nhóm thi: Nhóm 120 - Tổ 001 - Đợt 16

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	21800610	Nguyễn Thị Thúy Xuân			•	Ⓟ	⓪ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⓪ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/ _____	_____	1/ _____	_____	_____		_____	
2/ _____	_____	2/ _____	_____	Chữ ký:		Chữ ký:	

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2018-2019

Mã: 14860

1/2

Phòng thi: A703

Ngày thi: 23/01/2019

Giờ thi: 17:45

SL: 27

Môn học: Tiếng Anh 1 (001201 - 5 TC)

Nhóm thi: Nhóm 144 - Tổ 001 - Đợt 16

Lần: 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	01801059	Trần Thị Hồng	Ân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	01800643	Trần Đặng Quỳnh	Châu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	01801066	Nguyễn Hoàng Lan	Chi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	01801069	Trần Thị Như	Diệp		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	01801070	Hà Phương	Du		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	01801075	Lý Khả	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	01801076	Nguyễn Ngọc	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	01801077	Trương Gia	Hân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	01801082	Trần Thị Thu	Hiền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	01800673	Nguyễn Hoàng Thu	Huyền		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	01801092	Võ Nguyễn Đăng	Khoa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	01801094	Lý Gia	Lệ		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	01801098	Phạm Thị Phương	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	01801100	Trương Thị Khánh	Linh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	01801103	Trần Yến	Mai		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	01801105	Nhan Tú	Mẫn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	01801114	Phạm Đoàn Kim	Ngân		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	01801122	Vũ Ngọc Tuyết	Nhi		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	01801123	Lâm Tố	Như		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	01801126	Phạm Thị Hồng	Nhung		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

<b>Cán bộ coi thi</b>		<b>Cán bộ chấm thi</b>		<b>Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)</b>		<b>Trưởng Khoa/ Trung tâm</b>	
<b>Họ tên:</b>	<b>Chữ ký:</b>	<b>Họ tên:</b>	<b>Chữ ký:</b>	<b>Họ tên:</b>		<b>Họ tên:</b>	
1/ _____		1/ _____					
2/ _____		2/ _____		<b>Chữ ký:</b>		<b>Chữ ký:</b>	

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**Học kỳ 1 / Năm học 2018-2019**

Mã: 14860

2/2

Phòng thi: A703

Ngày thi: 23/01/2019

Giờ thi: 17:45

SL: 27

Môn học: Tiếng Anh 1 (001201 - 5 TC)

Nhóm thi: Nhóm 144 - Tổ 001 - Đợt 16

Lần: 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	01800723	Nguyễn Thị Vân	Phi		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	01801138	Lê Phương	Quyển		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	01800737	Đặng Phú	Thanh		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	01801154	Huỳnh Lê Phương	Trinh		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	01801155	Nguyễn Thị Bích	Trinh		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	01801160	Trần Đặng Phương	Uyên		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	01801165	Võ Nguyễn Thái	Vy		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/ _____	_____	1/ _____	_____	_____		_____	
2/ _____	_____	2/ _____	_____	Chữ ký:		Chữ ký:	



**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**Học kỳ 1 / Năm học 2018-2019**

Mã: 14861

1/2

Phòng thi: A709

Ngày thi: 23/01/2019

Giờ thi: 17:45

SL: 27

Môn học: Tiếng Anh 1 (001201 - 5 TC)

Nhóm thi: Nhóm 147 - Tổ 001 - Đợt 16

Lần: 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	A1800248	Trần Mỹ An			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	81800680	Lê Thiên Ân			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	81800681	Nguyễn Thị Phương Anh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	81800684	Huỳnh Ngọc Ánh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	81800687	Mạch Gia Bào			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	81800006	Huỳnh Minh Chính			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	81800187	Vũ Anh Cường			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	81800017	Nguyễn Mạnh Dũng			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	81800028	Hồ Hoàng Huynh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	81800711	Phan Anh Khải			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	81800718	Nguyễn Dong Kiệt			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	81800720	Nguyễn Đắc Thùy Linh			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	81800725	Hoàng Hồ Trúc Ly			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	A1800284	Phạm Trương Thảo Nhi			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	A1800287	Trần Ngọc Trúc Như			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	81800280	Huỳnh Tấn Phát			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	81800599	Hoàng Vĩnh Phúc			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	81800294	Nguyễn Tấn Phước			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	01703132	Phan Minh Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	81800748	Phùng Tiểu Phương			•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/ _____	_____	1/ _____	_____	_____		_____	
2/ _____	_____	2/ _____	_____	Chữ ký:		Chữ ký:	

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**Học kỳ 1 / Năm học 2018-2019**

Mã: 14861

2/2

Phòng thi: A709

Ngày thi: 23/01/2019

Giờ thi: 17:45

SL: 27

Môn học: Tiếng Anh 1 (001201 - 5 TC)

Nhóm thi: Nhóm 147 - Tổ 001 - Đợt 16

Lần: 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	A1800297	Phạm Ngọc Như	Quyñh		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	81800164	Trần Thị Hoàng	Thơ		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	E1800404	Trần Kiều Thu	Trang		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	81800767	Hoàng Nguyễn Thanh	Trúc		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	81800089	Lê Huy	Tuấn		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	81800775	Phan Huỳnh Tấn	Vinh		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	81800779	Nguyễn Ngọc Tường	Vy		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/ _____	_____	1/ _____	_____	_____		_____	
2/ _____	_____	2/ _____	_____	Chữ ký:		Chữ ký:	

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**Học kỳ 1 / Năm học 2018-2019**

Mã: 14862

1/2

Phòng thi: A502

Ngày thi: 23/01/2019

Giờ thi: 17:45

SL: 29

Lần: 1

Môn học: Tiếng Anh 1 (001201 - 5 TC)

Nhóm thi: Nhóm 165 - Tổ 001 - Đợt 16

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	41800277	Huỳnh Hồng	Bảo		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	41801089	Trần Việt	Cường		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	41800149	Lê Trung	Hiếu		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	41801130	Thái Nhật	Hưng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	41800684	Phạm Trung	Kiên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	41800862	Lê Gia	Kiệt		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	41801178	Trương Quang	Long		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	41801193	Trần Xuân	Nghĩa		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	41801195	Nguyễn Ngọc Nhất	Nguyên		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	41800196	Nguyễn Ngọc	Nguyện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	41800894	Thái Quang	Nhật		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	41800901	Đặng Hân	Phong		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	41800915	Phan Tấn	Quang		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	41800916	Hồ Đức	Quy		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	41800411	Dương Thái	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	41800412	Nguyễn Hồng	Sơn		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	41800933	Nguyễn Đức	Tâm		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	41800230	Xâm Thái	Thắng		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	41801240	Mai Anh	Thiện		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	41800955	Nguyễn Hữu	Thịnh		•	(V)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/ _____	_____	1/ _____	_____	_____		_____	
2/ _____	_____	2/ _____	_____	Chữ ký:		Chữ ký:	

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**Học kỳ 1 / Năm học 2018-2019**

Mã: 14862

2/2

Phòng thi: A502

Ngày thi: 23/01/2019

Giờ thi: 17:45

SL: 29

Lần: 1

Môn học: Tiếng Anh 1 (001201 - 5 TC)

Nhóm thi: Nhóm 165 - Tổ 001 - Đợt 16

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	41800438	Sầm Chí	Thông		•	(V)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	
22	41800244	Nguyễn Minh	Trí		•	(V)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	
23	41801272	Dương Hải Nhật	Trường		•	(V)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	
24	41801279	Lê Nguyễn Anh	Tuấn		•	(V)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	
25	41800067	Nguyễn Huỳnh Anh	Tuấn		•	(V)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	
26	41801285	Phan Thanh	Tùng		•	(V)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	
27	41800981	Vũ Quốc	Việt		•	(V)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	
28	41801289	Điền Thái	Vinh		•	(V)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	
29	41801294	Nguyễn Đức	Vũ		•	(V)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/ _____	_____	1/ _____	_____	_____		_____	
2/ _____	_____	2/ _____	_____	Chữ ký:		Chữ ký:	

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
Học kỳ 1 / Năm học 2018-2019

Mã: 14863

1/2

Phòng thi: A503

Ngày thi: 23/01/2019

Giờ thi: 17:45

SL: 30

Môn học: Tiếng Anh 1 (001201 - 5 TC)

Nhóm thi: Nhóm 166 - Tổ 001 - Đợt 16

Lần: 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
1	H1800230	Lê Nguyên Chiêu Anh			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
2	H1800231	Nguyễn Quốc Anh			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
3	H1800236	Trần Nguyễn Nam Anh			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
4	H1800244	Nguyễn Thị Tuyết Cầm			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
5	H1800251	Lưu Khải Doanh			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
6	H1800133	Nguyễn Bảo Gia Hân			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
7	H1800260	Lê Thị Minh Hiền			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
8	H1800025	Lâm Minh Hiếu			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
9	H1800268	Đỗ Minh Huân			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
10	H1800270	Lưu Thái Hưng			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
11	H1800143	Nguyễn Ngọc Minh Huyền			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
12	H1800275	Nguyễn Lữ Gia Khang			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
13	H1800145	Đoàn Trần Bảo Khánh			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
14	H1800285	Mạc Việt Long			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
15	H1800158	Cao Thị Kim Ngân			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
16	H1800292	Kiều Trọng Nghĩa			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
17	H1800166	Võ Thị Bích Ngọc			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
18	H1800301	Trương Quang Nhật			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
19	H1800179	Lê Tiến Phát			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
20	H1800314	Trần Thanh Phương			•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

<b>Cán bộ coi thi</b>		<b>Cán bộ chấm thi</b>		<b>Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)</b>		<b>Trưởng Khoa/ Trung tâm</b>	
<b>Họ tên:</b>	<b>Chữ ký:</b>	<b>Họ tên:</b>	<b>Chữ ký:</b>	<b>Họ tên:</b>		<b>Họ tên:</b>	
1/ _____		1/ _____					
2/ _____		2/ _____		<b>Chữ ký:</b>		<b>Chữ ký:</b>	

**BẢNG GHI ĐIỂM KIỂM TRA CUỐI KỲ**  
**Học kỳ 1 / Năm học 2018-2019**

Mã: 14863

2/2

Phòng thi: A503

Ngày thi: 23/01/2019

Giờ thi: 17:45

SL: 30

Môn học: Tiếng Anh 1 (001201 - 5 TC)

Nhóm thi: Nhóm 166 - Tổ 001 - Đợt 16

Lần: 1

STT	Mã SV	Họ và tên	Số tờ	Chữ ký SV	Điểm chữ	V	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân	Ghi chú
21	H1800187	Nguyễn Ngọc Bằng	Tâm		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
22	H1800190	Ngô Thị Thanh	Thanh		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
23	H1800325	Nguyễn Tú	Thanh		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
24	H1800337	Nguyễn Mai Quỳnh	Trâm		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
25	H1800338	Trần Thị Quế	Trâm		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
26	H1800342	Phạm Hoàng Thanh	Trang		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
27	H1800356	Nguyễn Khánh	Vi		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
28	H1800221	Tăng Thị Thanh	Xuân		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
29	H1800360	Ngô Huỳnh Tú	Yến		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	
30	H1800114	Nguyễn Thị Ngọc	Yến		•	V	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Giáo vụ, thư ký (kiểm tra)		Trưởng Khoa/ Trung tâm	
Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:	Chữ ký:	Họ tên:		Họ tên:	
1/ _____	_____	1/ _____	_____	_____		_____	
2/ _____	_____	2/ _____	_____	Chữ ký:		Chữ ký:	